CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC DA Y HỌC CỔ TRUYỀN KIM THẢO Y ĐƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHĂM SÓC DA Y HỌC CỔ TRUYỀN KIM THẢO Y ĐƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108174121

3. Ngày thành lập: 05/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 24 phố Tăng Bạt Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0945234386* Fax:

Email: *mvlan77@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
2.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
3.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
4.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	*2710*
6.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	*3100*
7.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
8.	Bán buôn đồ uống	*4633*
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
10.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	*4641*
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	*4659*
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng)	*4662*
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	*4669*
18.	Sản xuất giống thuỷ sản	*0323*
19.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
23.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
24.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7920*
25.	Vệ sinh chung nhà cửa	*8121*
26.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	*8129*
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
28.	Dịch vụ đóng gói	*8292*
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	*8560*
30.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	*9521*
31.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	*9522*
32.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*

33.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	*9523*
34.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	*9610(Chính)*
35.	Chăn nuôi khác	*0149*
36.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	*0150*
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	*0161*
38.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	*0162*
39.	Săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan	*0170*
40.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	*0210*
41.	Khai thác gỗ	*0221*
42.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	*0222*
43.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	*0230*
44.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
45.	Khai thác thuỷ sản biển	*0311*
46.	Khai thác thuỷ sản nội địa	*0312*
47.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	*0321*
48.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
50.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
52.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
54.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
55.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
56.	Sản xuất đường	*1072*
57.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	*1073*
58.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	*1080*
59.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	*2640*
61.	Thu gom rác thải độc hại	*3812*
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	*3821*
63.	Xây dựng công trình công ích	*4220*
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4290*
65.	Sản xuất hoá chất cơ bản	*2011*
66.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	*2012*
67.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	*2393*

68.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	*1101*
69.	Sản xuất rượu vang	*1102*
70.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	*1103*
71.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	*1104*
72.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	*1200*
73.	Sản xuất sợi	*1311*
74.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
75.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
76.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1321*
77.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	*1322*
78.	Sản xuất thảm, chăn đệm	*1323*
79.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1324*
80.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
81.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	*1420*
82.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	*1430*
83.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	*1511*
84.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
85.	Sản xuất giày dép	*1520*
86.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
87.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
88.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
89.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	*1623*
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
91.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
92.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
93.	In ấn	*1811*
94.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
95.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
96.	Sản xuất than cốc	*1910*
97.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	*1920*
98.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	*2013*
99.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	*2022*
100.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	*2023*
101.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	*2211*
102.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
103.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	*9524*
104.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	*9620*

105.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
106.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm	*9631*
107.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng chẩn trị y học cổ truyền;	*8620*
108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	*8299*
109.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	*0163*
110.	Xử lý hạt giống để nhân giống	*0164*
111.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	*1074*
112.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
113.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
114.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	*2395*
115.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	*2396*
116.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
117.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
118.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*
119.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
120.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
121.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	*3600*
122.	Thoát nước và xử lý nước thải	*3700*
123.	Thu gom rác thải không độc hại	*3811*
124.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	*3822*
125.	Xây dựng nhà các loại	*4100*
126.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	*4210*
127.	Phá dỡ	*4311*
128.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
129.	Lắp đặt hệ thống điện	*4321*
130.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	*4322*
131.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
132.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
133.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	*4390*

134.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	*4511*
135.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	*4512*
136.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác	*4513*
137.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
138.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	*4530*
139.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy	*4541*
140.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
141.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện rời của mô tô, xe máy như: săm, lốp, cốp, yếm xe, ắc quy, bugi, đèn, các phụ tùng điện	*4543*
142.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	*4610*
143.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
144.	Bán buôn gạo	*4631*
145.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	*4649*
146.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
147.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
148.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
149.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
150.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*

151.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
152.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
153.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
154.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	*5621*
155.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
156.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
157.	Xuất bản phần mềm	*5820*
158.	Hoạt động tư vấn quản lý	*7020*
159.	Quảng cáo	*7310*
160.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
161.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	*7730*
162.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
163.	Đại lý du lịch	*7911*
164.	Điều hành tua du lịch	*7912*

6. Vốn điều lệ: 200.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN QUANG BÌNH	Số 25C Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	50,000	012140550	
2	NGUYỄN THỊ KIM LAN	Số 25C Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000	50,000	001177000021	

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM LAN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *15/10/1977* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001177000021*

Ngày cấp: *11/10/2012* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 25C Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 12, ngách 100/27, ngõ 100 phố chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội